

NGÔN NGỮ VÀ GIỌNG ĐIỆU TRONG VĂN XUÔI LƯU TRỌNG LƯ (GIAI ĐOẠN 1930-1945)

ĐẶNG THỊ NGỌC PHƯỢNG

Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Văn xuôi Lưu Trọng Lư đã tạo nên sự xuyên suốt, dưỡng nuôi và liên kết những bản sắc dân tộc có tính cội nguồn với cuộc sống hiện đại. Tác giả đã chạm đến những miền đất sâu kín trong tâm hồn con người, tạo ra trong lòng người đọc sự rung cảm bởi hệ thống ngôn ngữ, giọng điệu. Đó là sự hòa quyện giữa ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm, tinh tế, mộc mạc của đời sống với chất giọng trần thuật độc đáo. Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ sinh động và giọng điệu trần thuật, Lưu Trọng Lư đã bày tỏ những tâm tư, tình cảm; những suy tư, chiêm nghiệm của mình về cuộc đời. Tất cả đi vào văn xuôi của Lưu Trọng Lư đã được ông làm mới bằng lăng kính của một hồn thơ, hồn văn đa cảm mang nhãn quan hiện đại.

Từ khoá: Lưu Trọng Lư, văn xuôi, ngôn ngữ, giọng điệu.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nói đến thơ hiện đại Việt Nam, người yêu thơ không thể không nhắc đến Lưu Trọng Lư, một trong những người có công đầu trong cuộc đấu tranh cho sự chiến thắng của thơ mới. Người thi sĩ tài hoa, tác giả của tập *Tiếng thu* bất hủ đã từng làm thổn thức trái tim bao thế hệ công chúng. Nhưng sẽ rất bất công và thiệt thòi nếu chúng ta chỉ biết đến Lưu Trọng Lư như một nhà thơ, dù rằng ông là một nhà thơ rất nổi tiếng. Văn xuôi mới chính là sự nghiệp đồ sộ của ông. Lưu Trọng Lư đã để lại cho nền văn học dân tộc 38 tác phẩm văn xuôi (gồm truyện ngắn, tiểu thuyết, bút ký, kịch) và tiểu luận, phê bình. Một số lượng tác phẩm lớn ở các thể loại truyện ngắn, kí, tiểu thuyết được ông để lại cho đến ngày nay đã khẳng định sự cố gắng, đam mê, nỗ lực lớn và khát khao cống hiến cho đời của ông.

Văn xuôi Lưu Trọng Lư đã tạo nên sự xuyên suốt, dưỡng nuôi và liên kết những bản sắc dân tộc có tính cội nguồn với cuộc sống hiện đại. Những sắc màu phong phú về Quảng Bình đầy thương nhớ, về một miền Trung đẹp thơ mộng hay Hà Nội cổ kính đã tiềm ẩn trong mình bản sắc văn hóa vùng miền. Ông đã chạm đến những miền đất sâu kín trong tâm hồn con người, tạo ra trong lòng người đọc sự rung cảm bởi hệ thống ngôn ngữ, kết cấu, giọng điệu, không gian và thời gian nghệ thuật. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến văn xuôi Lưu Trọng Lư giai đoạn 1930-1945 trên bình diện ngôn ngữ và giọng điệu.

2. NỘI DUNG

Trong văn học, ngôn ngữ và giọng điệu là một trong những vấn đề hấp dẫn thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, phê bình. Đây là những bình diện quan trọng tạo nên sự thành công của các nghệ sĩ, là kết quả của sức sáng tạo tự do, đầy cá tính.

2.1. Ngôn ngữ sinh động, giàu chất trữ tình

Ngôn ngữ là yếu tố hình thức đầu tiên làm nên tác phẩm văn học. Nó được tạo nên để phản ánh hiện thực cuộc sống, khai thác chiều sâu nội tâm của con người đồng thời để nhà văn bộc lộ cá tính sáng tạo, tài năng, phong cách của mình. Trong tác phẩm văn học, ngôn ngữ là phương tiện để cụ thể hóa sự biểu hiện chủ đề, tư tưởng tác phẩm và tính cách nhân vật.

Mỗi thể loại văn học khác nhau đều có những đặc điểm riêng về ngôn ngữ của thể loại mình. Không chỉ trong thơ, đối với văn xuôi, ngôn ngữ còn đưa người đọc đến với thế giới nội tâm phong phú, đa diện và bí ẩn của con người, đồng thời mở tâm hồn với thiên nhiên, ngoại cảnh. Thành công ấy nhờ vào khả năng sử dụng ngôn ngữ uyển chuyển, tinh tế và giàu cá tính của các nhà văn.

Văn hóa có thể được chuyên chở qua nhiều con đường, nhiều cách thức, nhiều phương tiện nhưng có lẽ ngôn ngữ là một trong những phương tiện quan trọng để thể hiện văn hóa. Trong công trình *Tiếng Việt hiện nay và những vấn đề ngôn ngữ học liên ngành*, Nguyễn Huy Cận đã chỉ ra: “Bản sắc riêng của mỗi dân tộc luôn luôn được thể hiện qua tiếng mẹ đẻ của họ; ngôn ngữ là nơi bảo lưu tinh thần, văn hóa dân tộc, sức mạnh liên minh giữa các dân tộc - tất cả để lại dấu ấn tài tình trong mỗi âm thanh” [3; tr.203]. Chính “ngôn ngữ đã chứa đựng trong mình toàn bộ di sản văn hóa của các thế hệ trước, xác định hành vi của những con người hiện tại, trong một mức độ nào đó, ngôn ngữ còn làm tiền đề cho con người trong tương lai, có nghĩa chính ngôn ngữ sản sinh và sáng tạo ra con người” [3; tr.203].

Trong đời sống văn học, ngôn ngữ là công cụ, là chất liệu cơ bản, là thành tố văn hóa có giá trị rất lớn trong đời sống xã hội. Giữa ngôn ngữ và văn hóa có quan hệ mật thiết với nhau. Dấu ấn văn hóa đã in rõ trong vốn từ vựng Việt Nam. Sức lan tỏa của nó đến văn học, phả truyền vào ngôn ngữ của nhân vật. Và đến văn xuôi Lưu Trọng Lư, nó tiếp tục hành trình vào trong những tác phẩm của ông.

Ngôn ngữ của văn xuôi Lưu Trọng Lư là loại hình ngôn ngữ nghệ thuật gắn bó chặt chẽ với cảm thức văn hóa dân tộc. Từ những phản chiếu mỗi tính cách con người trong cuộc sống, ngôn ngữ gợi hồn quê, mang linh hồn dân tộc. Tính chất thế sự và đời thường hóa đậm đặc trong vốn ngôn ngữ sử dụng của tác giả. Chính vì vậy, ngôn ngữ ở đây linh hoạt, sinh động đa chiều kích, đan xen kể và tả.

Khi nói đến dấu ấn văn hóa dân gian hay đô thị trong văn xuôi Lưu Trọng Lư, không thể không nói đến những sắc màu, những âm thanh. Bởi nó chính là những thành tố góp phần không nhỏ vào việc định hình đặc trưng làng quê Việt Nam. Đọc văn xuôi Lưu Trọng Lư, người đọc bắt gặp những sắc màu dân tộc đa dạng khắp mọi nơi. Mỗi bức tranh tình, mỗi khung cảnh là sự tổng hợp của nhiều màu, nhiều sắc, nhiều thanh âm, những sắc màu từ cuộc sống.

Hệ thống ngôn ngữ chỉ màu sắc trong văn xuôi Lưu Trọng Lư thật phong phú và sinh động. Những từ chỉ màu sắc đậm thường đi với tính từ mạnh như là một sự khẳng định, một sự sống hết mình của những cảnh sắc ở nông thôn. Trong *Cầu sương điểm cỏ*, tác

giả đã miêu tả cảnh sắc của vùng quê nghèo khó: “Những đồng lúa xanh đều khoả ngập và đỏ ngầu... Một vùng nước mênh mông, chỉ để lồi lúp xúp một đôi chòm nhà, và xa xa một vài đôi núi trơ trụi... Bên những cây đa vũng chãi dưới chân núi, cột chặt năm bảy chiếc thuyền câu” [1; tr.196]. Hệ thống từ ngữ này được nhà văn vận dụng để tái hiện cảnh vật rất thuần về cuộc sống nông thôn.

Trong văn xuôi Lưu Trọng Lư xuất hiện nhiều ngôn ngữ giàu tính tượng hình, tượng thanh. Trong truyện *Trà Hoa Nữ*, tác giả miêu tả ánh trăng trong sự hào quỵên với con người và cảnh vật: “Trăng le lói rọi ngang song, in bóng những cảnh đào phơ phất... Những tiếng nói thỏ thẻ của hai người cũng như có một tiếng dội lại dễ sợ của các tảng đá. Bỗng từ chốn xa xăm đưa lại một tiếng hót lạnh lạnh” [1; tr.228]. Đó còn là: “Tiếng ca trong trẻo như suối hạ, lời ca nào nùng như tình yêu” [1; tr.480] trong *Gió cây trút lá* hay tâm trạng của nhân vật trong truyện *Cô Nhung*: “Nhung lấy nón xuống nhìn thấy có một thứ gì trắng trắng. Và ngẩng lên cây, thấy những cành trơ trụi đen sít những chim. Cả bọn nhìn Nhung cười ngật nghêu làm cho Nhung bẽn lẽn cúi mặt” [1; tr.365]. Ngôn ngữ đặc tả cảnh sắc, gọi hình ảnh, bộc lộ tâm trạng nhân vật. Một số từ ngữ chỉ cảnh vật: rặng tre, mái tranh, đồng ruộng, vách đất... xuất hiện rất nhiều lần trong tác phẩm. Những từ ngữ, hình ảnh đó có giá trị như những nét văn hóa đặc sắc trong văn xuôi Lưu Trọng Lư, truyện *Chiếc cánh xanh* là một dẫn chứng: “Mặt trời đã tung ánh sáng trắng vàng trên những đồng ruộng mạ xanh rì, như người thuyền chài tung cái lưới của mình” [1; tr.936] và “cây cối ở trên xóm Cồn xum xê một cách khác thường khiến cho tôi có cảm giác rằng: cuộc đời ở đây, tựa hồ như là một cái gì rất dễ dàng, rất đáng yêu: những cây cau vươn khỏi những mái tranh, và trên những vách đất đỏ gạch, leo lên với một cái khí lực mạnh dạn, những cây trầu lá xanh tươi và cong vạm vỡ” [1; tr.936].

Trong hệ thống ngôn ngữ chỉ âm thanh, những âm thanh động rất đặc trưng sắc màu làng quê. Ở đó còn có cả những từ ngữ chỉ sự tĩnh lặng của làng quê hay sự ồn ào, tấp nập của đô thị: “Ánh trăng tuôn chảy ra như chì trên đường sỏi, trên các lùm lá, trên các lối đi” [1; tr.934]. Những âm thanh khắc họa đậm nét về sự yên ả chốn làng quê hay sự nhộn nhịp của đô thị. Ngôn ngữ trong văn xuôi Lưu Trọng Lư gọi lên những cảnh sắc quen thuộc, gần gũi, đó là cảnh bình yên của những cánh đồng quê với trời đất trong xanh. Những hình ảnh ấy như bồi đắp tâm hồn cho những đứa con xa quê, gắn bó với quê hương hơn khi bắt gặp những hình ảnh này. “Những ngày trong như gương, phản chiếu cái màu trắng phau của những đàn cò ở trên một thảm lúa xanh rì” [1; tr.933]. Tâm hồn người như lắng đọng, mang cảm giác bình yên. Đằng sau những con chữ, nhà văn muốn chuyển tải những giá trị văn hóa Việt.

Xuyên suốt các tác phẩm văn xuôi của mình, Lưu Trọng Lư đã xây dựng một thế giới ngôn ngữ giàu hình ảnh, đậm chất thơ. Đọc những trang văn của ông, chúng ta bắt gặp những hình ảnh so sánh bình dị, gần gũi, tự nhiên mà giàu tính tạo hình, biểu cảm. Khi đứng trước vẻ đẹp dịu dàng, đằm thắm của cô gái Huế, trong truyện *Em hãy còn thơ*, tác giả đã mượn những cảnh sắc đặc trưng của Cố đô để miêu tả: “Nàng không khỏe mạnh lắm, cũng như tất cả các cô gái Huế, nàng dịu dàng như sông Hương, và lá lướt như núi Ngu...” [1; tr.127]. Đặc biệt, “Đôi mắt của nàng là mùa thu bất tuyệt của tiên giới, là

cảnh trong ngần của tuyết sương, là niềm ân ái không cùng [1; tr.129]. Hay, để tạo sự hồn nhiên tinh nghịch của nhân vật Nhung, một cô gái tân thời, trong truyện *Cô Nhung*, tác giả đã so sánh với hình ảnh con manh manh - loài chim bé nhỏ mà lanh lẹ: “Nhung, người nữ sinh ngây thơ, nhí nhảnh, như một con manh manh. Con manh manh hôm qua đây, nó còn nhảy trên cành cây hoàng lan, nó rúc ở trong lá kiếm sâu và kêu chiu chít, kêu chiu chít” [1; tr.398].

Không chỉ mượn hình ảnh so sánh để đặc tả cảnh vật, Lưu Trọng Lư còn gọi lên liên tưởng mạnh mẽ, nhằm biểu hiện cảm xúc nhân vật. Cách so sánh thật độc đáo, gợi cảm xúc về trạng thái nhân vật trong truyện *Ly Tao tuyệt vọng*: “Nghe giọng đàn tiếng hát, Phan sinh như ngây như dại, như uống một cốc rượu nồng mà thêm một cốc khác, như hút một khói thuốc thơm mà thêm một khói thuốc khác” [1; tr.41]. Tâm trạng nhân vật như thăng hoa, “Chàng chềch choáng như một người say rượu, những tư tưởng trong tâm trí chàng cũng nhảy múa” và khi “Nghe giọng đàn tiếng hát thì Phan sinh như ngây như dại, như uống một cốc rượu nồng mà thêm một cốc khác, như hút một khói thuốc thơm mà thêm một khói thuốc khác” [1; tr.41].

Bằng nghệ thuật so sánh, Lưu Trọng Lư tái hiện một tuổi thơ trong trẻo gắn với vùng quê yên bình. Một không gian được tái hiện, lấp lánh ánh sáng của cảnh vật trong truyện *Chiếc cồng xanh*: “Tôi nghe tiếng chân đi san sát và đều đặn của những người phu cồng. Dưới chân ngựa một vài tiếng sỏi đánh nhau rơi loảng choảng. Và tôi thấy giữa khoảng trời sương lấp lánh muôn nghìn mặt trăng: tâm hồn trẻ dại của tôi đã thấy như một cốc thủy tinh rung động theo điệu gió” [1; tr.935]. Những hình ảnh so sánh của Lưu Trọng Lư rất quen thuộc, gần gũi song tính gợi cảm rất cao. Phải có một tâm hồn nhẹ nhàng tinh tế, tác giả mới có những so sánh độc đáo như vậy. Đọc văn xuôi của Lưu Trọng Lư, chúng ta thường bắt gặp những lời văn tinh tế, trong sáng và có sức truyền cảm nhẹ nhàng như những vần thơ. Cuộc đời êm nhẹ với những hạnh phúc bé nhỏ, hạnh phúc thuần khiết đến với con người. Hình ảnh cô bé hái dâu trong truyện ngắn cùng tên cứ hiển hiện trong tâm hồn nhận vật tôi, để rồi yêu, nhớ và thương. “Trước mắt tôi thấy diễn ra một cuộc đời êm đềm thanh thú. Tôi tưởng tượng thấy một cô bé xinh xắn tươi cười, mỗi buổi chiều đi vào ruộng dâu, hái những lá dâu xanh. Đêm đến theo điệu bộ nhịp nhàng, nhanh nhẹn, cô bé thái nhỏ những lá dâu rắc vào những cái nong tầm. (...) Cho được có hôm nay, ngồi yên một chỗ dưới bóng trăng trong, cô bé quay những sợi tơ vàng, và mơ tưởng những chuyện xa xôi” [1; tr.45-46].

Là một nhà thơ viết văn xuôi nên nhiều tác phẩm văn xuôi của ông là những bài thơ tràn đầy cảm xúc. Ở những tác phẩm văn xuôi của Lưu Trọng Lư, người đọc thấy tác giả thường sử dụng nhiều từ láy để diễn đạt những trạng thái cảm xúc của nhân vật. Trong truyện ngắn *Cô bé hái dâu*, tác giả đã sử dụng một lớp từ láy đa dạng, phong phú để phô diễn các cung bậc cảm xúc của nhân vật Liên. Những từ láy: *ngậm ngùi, náo nùng, thơ thẩn, băng khuâng, mơ mộng, mơ màng, hớn hở, tiu nghỉu, dịu dàng, êm ái, thanh thản, nhẹ nhàng, bồi hồi, say sưa, man mác, bối rối,...* diễn tả tình cảm nhớ thương của Liên dành cho Dương. Tình yêu đến nhẹ nhàng rồi ra đi trong luyến tiếc, để lại cho con người nỗi đau da diết khôn nguôi.

Lưu Trọng Lư còn sử dụng từ láy để diễn tả cái nhìn của nhân vật trước cuộc đời. Ở truyện *Ly Tao tuyệt vọng* xuất hiện hàng loạt từ láy mô tả cái chí khí của kẻ làm trai trước thời cuộc. “Một bầu máu nóng *hăm hở* ra giúp đời, mà rồi sự nghiệp không thành, đành *tiu nghỉu* về với cỏ cây non nước...Cái cuộc đời tuy thanh nhàn *thích thắng*, nhưng cũng có lúc nhạt phèo vô vị” [1; tr.39]. Một con người *hăm hở* muốn đem sức trai trẻ giúp đời, nhưng rồi thấm thía cho cái sự đời ngang trái, đành phải sống lay lắt qua những tháng ngày vô vị. Nhiều lúc, nhân vật Tô Tử thường để lộ ra cảm giác “khóc gió khóc giăng, kêu trời oán phận, lại thường để lộ ra mình là người *chán nản, ê chề*... thất vọng” [1; tr.39]. Từ láy trong văn xuôi của Lưu Trọng Lư còn có khả năng gợi hình và khả năng biểu cảm cao. Chúng thể hiện chính xác, tinh tế những cảm xúc của nhân vật.

Lưu Trọng Lư thường sử dụng các từ láy có chức năng gợi cảm. Ông đi sâu miêu tả cảm giác, diễn tả nội tâm nhân vật. Những cảm giác, cảm xúc bên trong nhân vật thường được miêu tả trực tiếp. Sử dụng từ láy, Lưu Trọng Lư đặc tả nội tâm nhân vật trong truyện *Chiếc áo rét*: “Tôi thấy lòng tôi được *mon trón* bởi một mối tình thoáng qua, xa xôi và vô cùng êm dịu... Cái phút *sung sướng* nhất mà tôi được hưởng từ khi quen nàng. Rồi từ đấy, hễ mỗi khi nàng đưa chỉ ra đan, thì ở trên lầu cao, tôi lại đứng lặng nhìn, *say sưa, sung sướng*” [1; tr.89] hay tâm trạng nhân vật Lộc cảm nhận hạnh phúc trước bó hoa lan trắng từ nàng thiếu nữ: “Mùi hương nồng ngát, lan tỏa khắp phòng, chàng thấy ngây ngất, say sưa” [1; tr.91].

Từ láy được Lưu Trọng Lư sử dụng thể hiện những trạng thái tâm hồn của nhân vật. Với khả năng biểu cảm cao, những từ láy này đã góp phần làm tăng tính trữ tình cho tác phẩm. Ngoài ra, đọc văn xuôi của Lưu Trọng Lư, chúng ta có thể bắt gặp trong đó một lời văn tinh tế, trong sáng trong truyện *Một lần tôi đi qua*: “Hôm ấy giờ mưa lơ thơ ... Cái vườn hoa của nàng, tôi trông có vẻ tiêu tụy hơn mọi ngày, nhưng những đóa cúc trắng vẫn đậm đà thắm tươi như cũ. Bỗng tôi nghe trong nhà vọng đưa ra những tiếng dương cầm. Những tiếng trong trẻo bay qua cửa sổ, và âm thầm tắt ở trong chòm lá xanh. Tôi ngừng bước nhìn những làn cúc, tôi nhìn thấy những làn cúc tự nhiên rung động anh ạ! Và tâm hồn tôi lao đao, tôi muốn ngã. Những hạt mưa nhỏ xuống, ngày càng nặng. Và tôi thấy trong những giọt nước lại cả cái hình ảnh của cảnh vật xung quanh” [1; tr.118]. Hay những câu văn có sức truyền cảm cao trong truyện *Cô bé hái dâu*: “Trước mắt tôi thấy diễn ra một cuộc đời êm đềm thanh thú. Tôi tưởng tượng thấy một cô bé xinh xắn tươi cười, mỗi buổi chiều đi vào ruộng dâu, hái những lá dâu xanh. Đêm đến theo điệu bộ nhịp nhàng, nhanh nhẹn, cô bé thái nhỏ những lá dâu rắc vào những cái nong tằm. (...) Cho được có hôm nay, ngồi yên một chỗ dưới bóng trăng trong, cô bé quay những sợi tơ vàng, và mơ tưởng những chuyện xa xôi” [1; tr.45-46]. Chất thơ đã tỏa ra từ bức tranh thiên nhiên, từ nét sinh hoạt thường nhật và từ chính tâm hồn con người đã tạo nên chiều sâu và sức ngân vang cho những trang viết. Âm hưởng trữ tình cùng với chất thơ bằng bạc đã làm cho những trang văn của Lưu Trọng Lư có sức truyền cảm cao.

Bên cạnh lối viết giàu hình ảnh, đậm chất thơ, trong truyện *Con vú em*, Lưu Trọng Lư còn mang đến cho người đọc hơi thở mặn nồng của cuộc sống với lớp ngôn từ mộc mạc,

giản dị, đậm chất khẩu ngữ: “Chị ấy còn “xuân” lắm, còn “kháu” lắm, còn nhiều người mê chán” [1; tr.79]. Hay ngôn ngữ đời sống trong truyện *Cái vò sữa của cô Perrette*: “Bà nó à! Để yên tôi nói cho bà nghe xem có xuôi tai không bà nhé! Nghĩ như tôi đã có tuổi rồi, má đã nếp rồi, tóc đã sắp bạc rồi, lại có bệnh hay đau xương sống, còn “nước mẹ” gì nữa mà bên mình còn phần son cọ kẹ phải không bà?” [1; tr.115]. Sử dụng ngôn ngữ đời thường, Lưu Trọng Lư đã đưa người đọc đến gần hơn với nhân vật trong tác phẩm, thông qua cách xưng hô suồng sã như: “ông” - “tôi”, “mày” - “tao”, “mày” - “bà”... Đặc biệt, tác giả còn đưa vào trang văn của mình tiếng chửi rửa một cách hồn nhiên, sinh động. Đó có thể là tiếng chửi của một ông quan vốn xưa nay vẫn được niềm yếm bởi những tính từ “đạo mạo”, “nghiêm túc” trong truyện *Cô Nguyệt*: “Biết thì sao? Đách cần!” [1; tr.457], “Khỉ! Thế diện quốc gia, ai lại làm thế...” [1; tr.457]. Nhiều khi còn là câu chửi cay nghiệt của bà mẹ kể trong truyện *Con chim sổ lồng*: “Đít mẹ mày? [1; tr.35]. Và đây là lời chửi thề của một trí thức trong truyện *Sầm Sơn vui thú xiết bao*: “Hồng mất ba cái bu-ri, chữa thế chó nào được!” [1; tr.107], “Ban” mẹ nó rồi!” [1; tr.107]. Đó còn là lời của chua xót của một cô gái giang hồ trong truyện *Một người đau khổ*: “Tiên sư thằng cả Vượng, mình cứ tưởng thằng ấy không biết nói dối” [1; tr.740], nhiều khi còn là lời chửi thâm độc, chỉ chiết, chua ngoa của người vợ cả trong truyện *Cô Nguyệt* đối với vợ lẽ của chồng: “Con đi ngựa kia! Mày quả có điên thì tao cho vào nhà thương điên, chứ ở nhà này, mày làm cái trò gì thế? Con kia? Ai cho phép này nghiêng ngửa thế? [1; tr.468].

Bên cạnh ngôn từ phổ thông, chúng ta thấy Lưu Trọng Lư sử dụng rất nhiều từ ngữ địa phương. Trong truyện Anh Neo, từ ngữ địa phương xuất hiện đa dạng: “*Chấp lâu* thằng Cu mới mếu máo nói: “Mẹ ơi! *Mạ* lấy cơm cho con ăn với. Người mẹ đi vào buồng dưới, *bưng* lên một cái mâm gỗ. Mâm cơm của cái gia đình nghèo khổ kia đó. Một bát rau dền và một bát khoai vằm. Hết. Những cái vật hằng ngày nuôi sống người nghèo khổ chỉ có thế thôi. Trên một chiếc chiếu rách trải ở đất, ba “*mạng*” cùng ngồi lại ăn. Thằng Cu lại mếu máo: - Chứ cơm đâu *mạ*!” [1; tr.61]. Âm điệu bình dị, mộc mạc của quê hương Quảng Bình thấm đẫm trong từng câu, từng chữ trong câu chuyện *Chiếc cánh xanh* của Lưu Trọng Lư: “Chết, ăn chi mà “*nầy*” mau quá đổi! Ngày tôi sắp cậu, chỉ bằng thằng Ngu nhà tôi! Nhỏ xiu xiu... Thế mà!... Bụt ơi! Chà mau “*nầy*” quá! Thế mà mấy năm cậu không về làng hờ?”, “Để thường cũng đến ba năm rồi hỉ?”, [1; tr.949], “Chùng ấy cũng “*khắm*” chán bà hỉ? [1; tr.956], “Kìa anh Khóa! Anh Khóa đi mô rúa!” [1; tr.963]. Trong truyện *Em là gái bên cửa sổ*, một loạt từ địa phương được Lưu Trọng Lư đưa vào các tác phẩm vốn từ ngữ khá phong phú như: tiếng của người Quảng Bình, tiếng của dân Cao Lao Hạ, tiếng Huế, tiếng Hà Nội. “Mình khi lắm nờ! Ngồi lên. Em hôn một cái. Đi mãi làm người ta nhớ quay quắt!” [1; tr.646]. “Con đi ra lò chơi...” [1; tr.938]. “Chị hỉ?” [1; tr.943]. “Thế mà già ngõ là ai! “*Nầy*” mau quá, già không nhận được nữa!” [1; tr.949]. “Tôi đi lần này, chày nhất là hai tuần lễ” [1; tr.997].

Ngôn ngữ trong văn xuôi Lưu Trọng Lư đậm chất vùng miền. Trong những tác phẩm viết về Huế, với tác phẩm *Gió cây trút lá*, Lưu Trọng Lư sử dụng ngôn từ đậm chất Huế, với chất giọng “Chà! Nếu chúng ta quen được Quan đốc sớm hơn mấy ngày thì không chừng đã cứu mạng chị Tư cha hỉ!” [1; tr.504], “Lan ôi là Lan ôi! Cháu đi mô mà để

thương nhớ cho những người còn ở lại. Một ngày cháu nhắc tên ông Hải đến hai ba lần, nay người ta đến đó, con thì đâu? Lan ôi là Lan ôi! Trời ôi là trời ôi!” [1; tr.507]. Đọc văn xuôi Lưu Trọng Lư, người đọc cảm nhận được một tài năng vận dụng và sáng tạo ngôn ngữ, kết hợp ngôn từ bác học đến bình dân. Ông đã làm phong phú vốn ngôn từ bằng lối viết tự nhiên phóng khoáng, ngôn từ dân dã gần gũi mang nhiều màu sắc thể tục. Ngôn ngữ của cả vùng miền in đậm dấu ấn trong các tác phẩm văn xuôi của ông.

Qua khảo sát văn xuôi của Lưu Trọng Lư, chúng tôi thấy ngôn ngữ nghệ thuật trong các tác phẩm của Lưu Trọng Lư là ngôn ngữ xuất phát từ đời sống. Ông biết chọn lựa, nâng cao và nghệ thuật hoá trong các sáng tác của mình để tăng thêm giá trị. Ngôn từ giản dị, sống động giàu chất trữ tình bộc lộ cảm xúc một cách bộc trực vừa truyền thống, vừa hiện đại. Mặt khác, ông còn sử dụng thành công những từ ngữ giàu sức tạo hình, từ chỉ màu sắc... Điều đó tạo cho tác phẩm của Lưu Trọng Lư vừa có vẻ đẹp giản dị, vừa không kém phần kì thú.

Viết văn luôn đòi hỏi người cầm bút phải tìm tòi, sáng tạo, phát hiện ra những cái mới, phải tự đổi mới mình mới tránh được quy luật đào thải của tự nhiên và sự khắc nghiệt của thời gian. Vì vậy, bên cạnh sự kế thừa truyền thống, Lưu Trọng Lư có sự phá cách trong sử dụng ngôn ngữ, tìm kiếm cách thể hiện bằng ngôn ngữ rất riêng. Ngôn ngữ đậm chất thơ, hơi thở mặn nồng của cuộc sống với lớp ngôn từ mộc mạc, giản dị, đậm chất khẩu ngữ, mang âm hưởng vùng miền. Chính vì vậy, đến với văn xuôi Lưu Trọng Lư, người đọc vẫn tìm được dấu ấn riêng của tác giả.

2.2. Giọng điệu trần thuật đa dạng

Giọng điệu là một hiện tượng nghệ thuật. Đây là sự kết tinh độc đáo của nhà thơ, nhà văn; vừa là một hiện tượng có tầm văn hóa ảnh hưởng đến các thời đại văn học. Trong nghệ thuật kể chuyện, giọng điệu không chỉ là phương tiện biểu hiện quan trọng của tác phẩm văn học mà còn là một yếu tố có vai trò ảnh hưởng đến các hình thức nghệ thuật trong tác phẩm xét trên một chỉnh thể. Chính giọng điệu khiến người đọc cảm nhận và thâm nhập vào thế giới tinh thần nhân vật của tác giả. Giọng điệu có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong cách nghệ thuật của nhà văn và tác dụng truyền cảm cho người đọc. “Giọng điệu trong văn học là một hiện tượng nghệ thuật rút ra từ bản thân tác phẩm và mang một nội hàm tư tưởng thẩm mỹ” [7; tr.250].

Mỗi một nhà văn có một giọng điệu đặc trưng. Lưu Trọng Lư mang một dấu ấn rất riêng, không trào lộng như Vũ Trọng Phụng, không hài hước như Nguyễn Công Hoan, không triết lý như Nam Cao. Văn xuôi Lưu Trọng Lư có sự kết hợp của nhiều giọng điệu: vừa chua xót, thương cảm, dí dỏm, hài hước, suy ngẫm, triết lý, chiêm nghiệm. Văn xuôi của Lưu Trọng Lư nổi bật bởi giọng điệu của một cái tôi uyên bác. Khảo sát văn xuôi của Lưu Trọng Lư, chúng tôi thấy nổi bật lên chất giọng trần thuật độc đáo.

Câu chuyện hấp dẫn là dựa vào năng lực của người kể chuyện. Đối với tác phẩm tự sự, người kể chuyện có một vai trò vô cùng quan trọng chỉ xuất hiện khi nào câu chuyện được kể bởi một nhiệm vụ cụ thể trong tác phẩm. Đó có thể là hình tượng của tác giả. Một tác phẩm có một hoặc nhiều người kể chuyện hình tượng người kể chuyện đem lại

cho tác phẩm một cái nhìn và một sự đánh giá bổ sung về mặt tâm lí nghề nghiệp hay lập trường xã hội cho cái nhìn của tác giả” [6; tr.191]. Trong sáng tác của Lưu Trọng Lư, các câu chuyện được xây dựng có cốt truyện với hai văn bản, hai người kể chuyện. Người dẫn truyện thứ nhất thường là cái tôi - tác giả, dẫn dắt câu chuyện, sau đó người kể chuyện thứ hai với cái tôi - nhân vật mới bắt đầu trần thuật lại câu chuyện của mình. Các câu chuyện thể hiện rất rõ cách sử dụng đa dạng giọng điệu, các cung bậc cảm xúc, nhiều điểm nhìn trần thuật được gửi sang nhân vật và được chuyển vào trong các câu chuyện. Tiêu biểu là các câu chuyện: *Người Sơn nhân*, *Cái đời người xẩm*, *Con vú em*, *Một lần tôi đi qua*, *Chiếc áo rét*, *Nàng Vân may áo cho chồng*...

Lưu Trọng Lư sử dụng đa giọng điệu. Lời đối thoại xuất hiện nhiều trong các tác phẩm, có đan xen độc thoại nội tâm. Tất cả được tác giả sử dụng rất tinh tế. Trong một số truyện ông đã sử dụng giọng điệu kép, người kể chuyện muốn chuyển tải vào tâm tư của nhân vật để thể hiện những suy nghĩ, cảm xúc của họ. Lưu Trọng Lư sử dụng ở những đoạn văn bắt đầu cho một hồi ức của câu chuyện. Đó là hồi ức của người sơn nhân trong *Người Sơn nhân*: “Không giấu các ngài, trước đây hai mươi năm, tôi sinh nhai về nghề giết người cướp của. Tôi là một con cọp dữ ở chỗ này” [1; tr.27], hồi ức của anh xẩm trong *Cái đời người xẩm*: “Tôi là kẻ ở phương xa lại. Tôi đến đây là do sự ngẫu nhiên. Tôi đến gần gũi người trong giây lát rồi để nghìn thu xa cách người” [1; tr.53], hay hồi ức của nhân vật “tôi” trong *Chiếc áo rét*: “Đáng lẽ tôi không được biết tên nàng, không được biết tên nàng mới phải. Nhưng, không hiểu vì đâu, cái tên Bạch Nga xinh đẹp từ nay đã gắn chặt vào trong trí nhớ tôi...” [1; tr.88].

Không chỉ vậy, trong văn xuôi của mình, Lưu Trọng Lư sử dụng rất nhiều “lời nửa trực tiếp”. Cách viết này đi sâu vào nội tâm nhân vật. Giọng điệu này xuất hiện trong một số truyện. *Người Sơn nhân* là tác phẩm tiêu biểu. Ở tác phẩm *Người Sơn nhân*, điểm nhìn đầu tiên của tác giả điểm nhìn đến đoàn thám hiểm: “Đoàn thám hiểm đi tìm mỏ ở trên núi Giăng Màn chỉ có 3 người. Ông cố đạo, một con chiên và một cu li” [1; tr.25], rồi chuyển điểm nhìn đến các nhân vật - nhân vật trong đoàn thám hiểm. Hoặc nhân vật tôi - người dẫn chuyện trong truyện *Con vú em*, tác giả - chuyển điểm nhìn đến Bảo, từ Bảo chuyển điểm nhìn qua con vú em, từ Vợ Bảo đến Bảo... Những câu chuyện được trần thuật theo các điểm nhìn từ tác giả đến các nhân vật. Điểm nhìn trần thuật này thể hiện rất rõ trong các truyện *Thy sỹ*, *Con sáo*, *Chiếc áo rét*, *Cắm neo*, *Nàng Vân may áo cho chồng*.

Sự đa dạng về giọng điệu trong trần thuật được thể hiện rõ nét qua câu chuyện *Một lần tôi đi qua*. Câu chuyện xảy ra tại thời điểm hiện tại, truyện có nhiều giọng kể. Đó là giọng của nhân vật tôi - tác giả - người trần thuật thứ nhất, kể về chuyện bạn tôi. Ngoài ra, câu chuyện còn xuất hiện nhân vật “tôi” - người kể chuyện thứ hai - Kể về câu chuyện tình của mình và chuyện giữa hai vợ chồng họ. Hai câu chuyện đan xen nhau trong truyện *Một lần tôi đi qua*: “Bạn tôi hút xong điếu thuốc lá, nói tiếp - Nhà này lúc bấy giờ còn ở con đường Digue Parreau mà tôi thì ở Trại Hàng Ho, tôi ăn cơm trọ ở nhà một người bà con của tôi làm ở phủ Toàn quyền. Bấy giờ tôi đương học năm thứ nhất ban Trung học ở Bưởi. Thành thử mỗi buổi đi học hay về học tôi cũng phải đi qua

ngang nhà nàng cả. Nhà nàng là một cái biệt thự” [1; tr.117]. Hay: “Dần dần hai khuôn mặt ấy lại nhập lẫn vào với nhau, rồi lại rời nhau ra... Vợ tôi đánh vào vai tôi:

- Mình làm sao thế?

- Tôi tỉnh mộng quay lại phía vợ tôi mỉm cười” [1; tr.120].

Khảo sát những tác phẩm văn xuôi của Lưu Trọng Lư, chúng tôi thấy nghệ thuật kể chuyện của Lưu Trọng Lư rất đặc sắc. Chất giọng trần thuật rất độc đáo và ngôn ngữ linh hoạt sinh động, giàu chất trữ tình. Những câu chuyện đan xen với hai cốt truyện được kể lại bằng những hồi ức về quá khứ hoặc quá khứ trong hiện tại. Tất cả tạo nên điểm nhấn trong văn xuôi Lưu Trọng Lư.

3. KẾT LUẬN

Tài năng và sự tinh tế của Lưu Trọng Lư thể hiện rõ nét qua ngôn ngữ, giọng điệu trong các tác phẩm văn xuôi. Đó là sự hòa quyện giữa ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm, tinh tế chuẩn xác với ngôn ngữ trần thuật - miêu tả và ngôn ngữ nhân vật. Đó là sự kết hợp giữa ngôn ngữ đậm chất thơ với ngôn ngữ giản dị, mộc mạc của đời sống. Lưu Trọng Lư đã đi sâu vào khai thác tính cách và tâm trạng của nhân vật qua giọng điệu trần thuật. Ẩn sâu trong từng câu chữ là tình yêu thương ấm áp hay tâm tình sẻ chia, cảm thông của tác giả. Thông qua việc sử dụng ngôn ngữ sinh động và giọng điệu trần thuật, Lưu Trọng Lư đã bày tỏ những tâm tư, tình cảm; những suy tư, chiêm nghiệm của mình về cuộc đời, khiến các sáng tác của ông vừa mang tính hiện thực vừa mang tính nhân văn sâu sắc.

Với Lưu Trọng Lư, ông không chỉ thể hiện sinh động nghệ thuật được chất lọc, giàu sức sống của hình tượng mà còn tạo cho mình một giọng điệu riêng, thể hiện phong cách và cá tính sáng tạo. Văn xuôi Lưu Trọng Lư vượt qua được sự thanh lọc của thời gian. Bởi một lẽ rất đơn giản, văn xuôi của ông bắt nguồn từ cội rễ của dân tộc, đó là sự kết tinh của các giá trị văn hóa. Những truyện ngắn, tiểu thuyết của nhà văn đã lưu giữ những giá trị tinh thần rất đặc trưng của dân tộc. Tất cả đi vào văn xuôi của Lưu Trọng Lư đã được ông làm mới bằng lăng kính của một hồn thơ, hồn văn đa cảm mang nhãn quan hiện đại. Đây là sự đóng góp quan trọng của Lưu Trọng Lư, khẳng định vai trò cũng như những cống hiến sáng tạo nghệ thuật của ông về thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết trong nền văn học dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lại Nguyên Ân, Hoàng Minh (Sưu tầm, biên soạn) (2011). *Lưu trọng Lư, Tác phẩm - truyện ngắn, tiểu thuyết (Tập 1,2)*, NXB Lao động - Trung tâm Văn hóa, ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [2] Bakhtin M. (1992). *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết*, Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Huy Cận (2005). *Tiếng Việt hiện nay và những vấn đề ngôn ngữ học liên ngành*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Hà Minh Đức (2011). *Lưu Trọng Lư - về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Đà Nẵng.

- [5] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (Tái bản) (2004). *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Phương Lưu (1997). *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục.
- [7] Trần Đình Sử (2003). *Dẫn luận thi pháp học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Title: LANGUAGE AND TONE IN LUU TRONG LU'S PROSE IN THE PERIOD FROM 1930 TO 1945

Abstract: Luu Trong Lu's prose has created a continuing, nurturing and linking the original national identities with modern life. The author has touched the deep lands in the human soul, creating in his heart the reader the vibe by the language system and tone. It is a blend of expressive, delicate, rustic language of life with a unique narrative voice. Through the use of vivid language and narrative tone, Luu Trong Lu expressed his feelings and emotions; his thoughts and contemplations on life. Everything went into prose of Luu Trong Lu was renewed by him with the prism of a poetic soul, a sentimental soul with modern perspective.

Keywords: Luu Trong Lu, prose, language, accent.